

Name: \_\_\_\_\_

Score: \_\_\_\_ / 16

**QUICK CHECK – 19.01.2025****Exercise 1: Fill in the blanks with the correct words.**

|        |       |              |      |       |        |
|--------|-------|--------------|------|-------|--------|
| parrot | shout | rain heavily | goat | Earth | boring |
|--------|-------|--------------|------|-------|--------|

|                                                                                    |                                                                                    |                                                                                      |
|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
|   |   |   |
| 1.                                                                                 | 2.                                                                                 | 3.                                                                                   |
|  |  |  |
| 4.                                                                                 | 5.                                                                                 | 6.                                                                                   |

**Exercise 2: Match the words with their meanings.**

| No. | Words             | Key  | No. | Meaning                   |
|-----|-------------------|------|-----|---------------------------|
| 1   | Pacific Ocean     | 1 –  | A   | tỏa sáng, chiếu sáng      |
| 2   | exercise (n)      | 2 –  | B   | chăm chỉ                  |
| 3   | arrive (v)        | 3 –  | C   | Bắc Băng Dương            |
| 4   | dress smartly     | 4 –  | D   | ăn mặc gọn gàng, bảnh bao |
| 5   | popular (adj)     | 5 –  | E   | Thái Bình Dương           |
| 6   | Arctic Ocean      | 6 –  | F   | đến                       |
| 7   | behave (v)        | 7 –  | G   | thoải mái                 |
| 8   | shine (v)         | 8 –  | H   | phổ biến                  |
| 9   | hard (adj, adv)   | 9 –  | I   | cư xử                     |
| 10  | comfortable (adj) | 10 – | K   | bài tập                   |